

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI BẮT, GIỮ HOẶC GIAM NGƯỜI TRÁI PHÁP LUẬT	7
1.1. Khái niệm quyền con người, quyền công dân, quyền tự do, dân chủ và quyền tự do thân thể	7
1.1.1. Khái niệm quyền con người và quyền công dân	7
1.1.2. Khái niệm quyền tự do, dân chủ và quyền tự do thân thể	16
1.2. Khái niệm và ý nghĩa của việc quy định tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật	22
1.2.1. Khái niệm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật	22
1.2.2. ý nghĩa của việc quy định tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật	29
1.3. Sự hình thành và phát triển của những quy phạm pháp luật về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 đến nay	31
1.3.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 cho đến khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985	32
1.3.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 cho đến trước pháp điển hóa lần thứ hai Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999	35
Chương 2: NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ TỘI BẮT, GIỮ HOẶC GIAM NGƯỜI TRÁI PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ	39
2.1. Những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật	40
2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự	41
2.1.2. Các tình tiết định khung tăng nặng hình phạt	57
2.1.2.1. Về khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự	57
2.1.2.2. Về khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự	58
2.1.2.3. Về khoản 3 Điều 123 Bộ luật Hình sự	60
2.1.2.4. Hình phạt bổ sung	61
2.2. Thực tiễn xét xử tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật	62
2.2.1. Tình hình xét xử tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật của Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn toàn quốc	62
2.2.2. Một số hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn xét xử	78
2.2.3. Một số nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại	85
Chương 3: NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 CÓ LIÊN QUAN VỀ PHÒNG, CHỐNG TỘI BẮT, GIỮ HOẶC GIAM NGƯỜI TRÁI PHÁP LUẬT	90
3.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật	90
3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật	90
3.1.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật	96
3.2. Những giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật	100
3.2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cho nhân dân	100
3.2.2. Xét xử nghiêm minh, nhanh chóng và đúng pháp luật những người phạm các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật nói riêng	102
3.2.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật, Tòa án với các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trong việc phát hiện, xử lý và cải tạo, giáo dục người phạm tội	103
3.2.4. Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam liên quan đến các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam	105

KẾT LUẬN	112
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	116

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, các quyền và tự do của con người, của công dân được thể hiện đầy đủ và chủ yếu nhất trong chế định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Các quyền này thường được đặt ở những vị trí xứng đáng và chiếm nội dung lớn và rõ nét trong các bản Hiến pháp - đạo luật mang tính pháp lý cao nhất của Nhà nước. Những hành vi nào xâm phạm đến các quyền này ở các mức độ khác nhau đều bị xử lý bằng pháp luật và ở mức độ nghiêm khắc nhất, sẽ bị xử lý bằng các chế tài hình sự.

Trong nhóm các tội xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là một loại tội phạm diễn ra tương đối phổ biến trong thực tiễn nhưng việc điều tra, truy tố và xét xử tội phạm này còn chưa nhiều, mặc dù trong nhóm các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân, tỷ lệ số vụ và số bị cáo phạm tội này thường chiếm tỷ lệ cao nhất, đồng thời việc áp dụng nó gặp nhiều khó khăn, vướng mắc vì một mặt nếu áp dụng không đúng dễ xâm phạm quyền tự do thân thể của công dân, nhưng mặt khác, nếu không áp dụng cũng rất dễ bỏ lọt hành vi phạm tội. Hơn nữa, nhiều tình tiết định khung hình phạt cũng đòi hỏi phải có sự hướng dẫn kịp thời của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay quá trình áp dụng loại tội phạm này cũng cần được thực tiễn xét xử tổng kết, đánh giá.

Do đó, để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống các tội xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật nói riêng, cũng như để thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ mà các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI đề ra, cũng như các yêu cầu cấp bách mà ba Nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mới được ban hành trong thời gian gần đây đòi hỏi phải thực hiện, đó là: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 *"Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"*, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 *"Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020"* và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 *"Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"* để bảo đảm hơn nữa các quyền và tự do của con người, nhất là quyền tự do thân thể của công dân, đòi hỏi phải có sự đầu tư nghiên cứu nghiêm túc và đầy đủ trên phương diện lý luận và tổng kết thực tiễn. Chính vì vậy, chúng tôi quyết định lựa chọn đề tài: ***"Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong luật hình sự Việt Nam"*** làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu về các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật nói riêng trên các sách báo pháp lý hình sự nước ta thời gian qua ít nhiều đã có nhiều công trình nghiên cứu ở các mức độ khác nhau, song đáng chú ý là một số công trình khoa học sau: 1) Phạm Hồng Hải và Lê Cẩm: "Chương 5 - Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân", Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Tập thể tác giả do TSKH. Lê Cẩm chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003; 2) Trần Văn Luyện: "Chương XIII - Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân", Trong sách: *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 1999 (Phần các tội phạm)*, Tập thể tác giả, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001; 3) Đinh Văn Quế: *Bình luận chuyên sâu Bộ luật Hình sự*, Tập III: "Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình", Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2002; 4) Đỗ Đức Hồng Hà, *Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong Bộ luật Hình sự năm 1999*, Tạp chí Kiểm sát, số 2, 2002; 5) Trịnh Tiến Việt: *Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân: Một số khía cạnh pháp lý hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 6, 3/2007; 6) Lê Văn Luật: *Bàn về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 23, 12/2007; v.v...

Tuy nhiên, các công trình đã nêu trên chỉ gián tiếp phân tích khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật cùng với các tội phạm khác trong Bộ luật Hình sự, nghiên cứu riêng rẽ qua việc tranh luận tội danh để áp dụng giữa tội phạm này với tội phạm khác hay chỉ đề cập phân tích chung trong các chương giáo trình, sách tham khảo, khóa luận tốt nghiệp... mà chưa có một công trình khoa học nào

ở cấp độ một luận văn thạc sĩ giải quyết riêng rẽ và độc lập một tội phạm cụ thể, đồng thời tổng kết thực tiễn để qua đó đề xuất hoàn thiện trên phương diện lập pháp về tội phạm này, cũng như để đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng, qua đó góp phần bảo vệ vững chắc hơn nữa các quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân. Do đó, tính cấp thiết và ý nghĩa khoa học thực tiễn của luận văn này hoàn toàn có tính thời sự, nhất là trong giai đoạn hiện nay, quyền và tự do của con người và các quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền con người được xã hội và Nhà nước ngày càng đề cao hơn bao giờ hết.

3. Mục đích và đối tượng nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là trên cơ sở kế thừa và phát triển các công trình nghiên cứu của các tác giả đi trước, kết hợp với thực tiễn thời gian từ năm 2000- 2008, đặc biệt dưới góc độ lịch sử để làm sáng tỏ vấn đề lịch sử về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, phân tích khái niệm, các dấu hiệu pháp lý và tình tiết định khung hình phạt, tổng kết và đánh giá thực tiễn xét xử loại tội phạm này để đề ra một số giải pháp hữu hiệu, hạn chế và qua đó làm giảm các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong luật hình sự Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý như: lịch sử pháp luật, lý luận về Nhà nước và pháp luật, xã hội học pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, luật tố tụng hình sự và triết học, những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học luật hình sự Việt Nam và nước ngoài.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như: so sánh, phân tích, tổng hợp... đồng thời, việc nghiên cứu còn dựa vào số liệu thống kê trong các báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao và các vụ án hình sự trong thực tiễn xét xử, cũng như thông tin trên mạng Internet để tổng hợp và làm sáng tỏ các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu.

5. Phạm vi và thời gian nghiên cứu

5.1. Về phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong luật hình sự Việt Nam.

5.2. Về thời gian nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu thực tiễn xét xử tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong luật hình sự Việt Nam từ năm 2000 cho đến năm 2008.

6. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận văn

Đây là công trình chuyên khảo đầu tiên trong khoa học luật hình sự Việt Nam nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong luật hình sự Việt Nam ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học. Tác giả đã giải quyết về mặt lý luận những vấn đề sau:

1) Phân tích một cách có hệ thống những vấn đề lý luận về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong luật hình sự Việt Nam như: khái niệm và các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội phạm này; mối quan hệ

của tội phạm này với các quyền tự do, dân chủ của công dân, các quyền con người; phân biệt tội phạm này với các tội phạm khác có liên quan trong luật hình sự.

2) Hệ thống hóa lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong luật hình sự Việt Nam giai đoạn từ năm 2000-2008, để rút ra những nhận xét, đánh giá.

3) Phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự tình tiết định khung tăng nặng của tội phạm này để chỉ ra những vướng mắc, hạn chế nhằm hoàn thiện pháp luật.

4) Phân tích thực tiễn xét xử tội phạm này ở nước ta trong thời gian từ năm 2000-2008, phân tích các vụ án áp dụng chưa chính xác và các nguyên nhân cơ bản của thực trạng này.

5) Đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 hiện hành và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật về tội phạm này, qua đó nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền tự do, thân thể của công dân, quyền con người.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật.

Chương 2: Những quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật và thực tiễn xét xử.

Chương 3: Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

VỀ TỘI BẮT, GIỮ HOẶC GIAM NGƯỜI TRÁI PHÁP LUẬT

1.1. Khái niệm quyền con người, quyền công dân, quyền tự do, dân chủ và quyền tự do thân thể

Các tội xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật nói riêng có khách thể xâm hại là quyền con người, quyền công dân. Cụ thể, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật xâm hại tới quyền tự do thân thể của con người. Vì vậy, tìm hiểu các vấn đề quyền con người, quyền công dân, quyền tự do, dân chủ và quyền tự do thân thể là cơ sở để luận giải về tội phạm này dưới góc độ lý luận.

1.1.1. Khái niệm quyền con người và quyền công dân

Quyền con người hay nhân quyền, dưới góc độ chung nhất được hiểu là những quyền tự nhiên vốn có của con người.

Khái niệm về quyền con người được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người của Liên hợp quốc năm 1948 và các công ước này là khái niệm về nhân phẩm vốn có của tất cả các thành viên trong gia đình nhân loại. Theo đó, cốt lõi của khái niệm quyền con người là khát vọng bảo vệ nhân phẩm của tất cả con người.

Tóm lại, dưới góc độ khoa học, *quyền con người được hiểu là các quyền mà con người vẫn có và chỉ con người mới có, đồng thời là sự tự do, nhân phẩm vốn có, nhu cầu chính đáng của con người được Nhà nước thừa nhận và pháp luật bảo vệ.*

Trong khi đó, khái niệm công dân chỉ mối quan hệ giữa Nhà nước với các cá nhân sinh sống trên lãnh thổ một quốc gia. Quyền công dân là một khía cạnh biểu hiện của mối quan hệ pháp lý giữa Nhà nước và công dân. Dưới góc độ khoa học, *quyền công dân được hiểu là những quyền mà Nhà nước quy định và bảo đảm thực hiện cho các cá nhân mang quốc tịch nước mình.*

Như vậy, quyền công dân là những quyền con người được thừa nhận bởi pháp luật quốc gia hay nói một cách khác, quyền công dân là sự thể hiện, hình thức pháp lý của quyền con người trong pháp luật quốc gia.

1.1.2. Khái niệm quyền tự do, dân chủ và quyền tự do thân thể

Dưới góc độ khoa học, *quyền tự do, dân chủ được hiểu là quyền làm chủ của người dân đối với nhà nước, xã hội; quyền làm chủ suy nghĩ, hành động của bản thân mình trên cơ sở tôn trọng lợi ích và trật tự của cộng đồng.* Là các quyền con người nên quyền tự do, dân chủ đương nhiên cũng là quyền tự nhiên, vốn có. Tuy nhiên, những quyền này chỉ thực sự có ý nghĩa trên thực tế khi nó được thừa nhận và bảo hộ bởi Nhà nước.

Trong khi đó, quyền tự do thân thể là một quyền cơ bản của con người được công nhận bởi Tuyên ngôn thế giới về quyền con người của Liên hợp quốc. Còn trong pháp luật nước ta, quyền tự do thân thể được Hiến pháp Việt Nam năm 1992 ghi nhận một cách cụ thể tại Điều 71 là một quyền công dân thuộc nhóm quyền tự do cá nhân.

Quyền tự do thân thể biểu hiện ở tính bất khả xâm phạm về thân thể, tức là không thể bị xâm phạm về thân thể. Công dân không thể bị bắt, giam giữ từ trường hợp theo quy định pháp luật và bởi người có thẩm quyền. Dưới góc độ khoa học, *quyền tự do thân thể được hiểu là các quyền được Nhà nước bảo vệ trước sự xâm phạm về tự do, thân thể của người khác, đồng thời pháp luật ghi nhận nhằm chống lại những hành vi xâm phạm quyền này mà cụ thể là hành vi bắt giữ, giam cầm người khác trái pháp luật.*

1.2. Khái niệm và ý nghĩa của việc quy định tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

1.2.1. Khái niệm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

Là một loại tội phạm nên về bản chất, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật thống nhất với bản chất được nêu trong khái niệm chung về tội phạm.

Từ khái niệm tội phạm được ghi nhận tại Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 1999 có thể nhận thấy: Bản chất của tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật không khác với bản chất chung của tội phạm trong định nghĩa trên. Theo đó, điểm đặc trưng làm cơ sở để xây dựng khái niệm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là hai yếu tố: 1) Hành vi bắt, giữ hoặc giam người; 2) Tính trái pháp luật của hành vi bắt, giữ hoặc giam người đó.

Hiện nay chỉ tồn tại một số quan điểm khoa học định nghĩa tội phạm này trong sách báo pháp lý, nhưng về cơ bản đều thống nhất nội hàm khái niệm tội phạm này. Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học, đồng thời trên cơ sở khái niệm chung về tội phạm và các đặc điểm vừa phân tích có thể đưa khái niệm tội phạm này như sau: *Tội bắt, giữ, giam người trái pháp luật là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định tại Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện nhằm cản trở, tước đoạt tự do thân thể của người khác một cách bất hợp pháp, qua đó xâm phạm đến quyền tự do, dân chủ được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ.* Từ khái niệm này có thể chỉ ra một số đặc điểm cơ bản của nó như sau:

Một là, tội bắt, giữ, giam người trái pháp luật là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định tại Bộ luật Hình sự, xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác - khách thể được Hiến pháp và pháp luật hình sự bảo vệ.

Hai là, tội phạm do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện.

Ba là, mục đích của hành vi phạm tội là nhằm cản trở, tước đoạt tự do thân thể của người khác một cách bất hợp pháp.

1.2.2. Ý nghĩa của việc quy định tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

Việc quy định tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để đấu tranh chống lại hành vi xâm phạm quyền tự do thân thể của công dân - hành vi vi phạm nhân quyền một cách nghiêm trọng. Việc quy định tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật có ý nghĩa to lớn trên nhiều phương diện, cụ thể là:

Thứ nhất, quy định về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là sự ghi nhận và bảo đảm trong pháp luật Việt Nam giá trị quyền con người thiêng liêng được thừa nhận bởi cộng đồng nhân loại và là bất khả xâm phạm.

Thứ hai, quy định về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là phương thức bảo hộ và thực thi một quyền cơ bản của công dân đã được quy định trong Hiến pháp Việt Nam.

Thứ ba, quy định về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là nội dung cụ thể hóa nhiệm vụ của Bộ luật Hình sự Việt Nam đã được ghi nhận tại Bộ luật này.

Thứ tư, quy định về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật cùng với các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ khác của công dân đã thể chế hóa chủ trương đầy mạnh, phát huy dân chủ của Đảng ta.

1.3. Sự hình thành và phát triển của những quy phạm pháp luật về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 đến nay

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, trải qua hàng nghìn năm phong kiến và dưới ách đô hộ của thực dân, nhân dân Việt Nam thực sự không biết đến quyền tự do, dân chủ. Các quyền con người, quyền công dân trong thời kỳ này có phạm vi rất hẹp, thường mang tính chất bất bình đẳng về giới và đẳng cấp xã hội. Các quyền tự do, dân chủ nói chung và quyền tự do thân thể của người dân có thể bị xâm phạm, chà đạp tùy tiện, vô căn cứ bất kỳ lúc nào bởi nhà cầm quyền hoặc những người có địa vị, sức mạnh trong xã hội. Chỉ đến khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công nhân dân Việt Nam mới nhận thức được vai trò làm chủ xã hội, ý thức về các quyền dân chủ của mình. Từ đây, vấn đề bảo vệ các quyền tự do, dân chủ nói chung, trong đó có quyền tự do thân thể bắt đầu được mở rộng và phát triển trong hệ thống quy định pháp luật của Việt Nam trong những năm về sau và càng hoàn thiện hơn trong Bộ luật hình sự năm 1985 và nay là Bộ luật hình sự năm 1999. Trên cơ sở này, luận văn chia ra hai giai đoạn để nghiên cứu như sau:

1) Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 cho đến khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985.

2) Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985 cho đến trước pháp điển hóa lần thứ hai Bộ luật hình sự Việt nam năm 1999.

Về sau, qua quá trình thi hành và áp dụng, Bộ luật Hình sự năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần nhưng về cơ bản nội dung tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật không có thay đổi. Bộ luật Hình sự năm 1985 với các Luật sửa đổi, bổ sung đã tạo ra một hệ thống công kênh, phức tạp các quy định pháp luật hình sự, dẫn đến khó khăn trong áp dụng. Đồng thời, trước sự phát triển của nền kinh tế, xã hội, những biến động của tội phạm, Bộ luật tuy đã được sửa đổi vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Do đó, năm 1999 Quốc hội nước ta đã ban hành Bộ luật Hình sự mới, Bộ luật Hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ TỘI BẮT, GIỮ HOẶC GIAM NGƯỜI TRÁI PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ

Bộ luật Hình sự năm 1999 dành 10 điều để quy định về các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân. Trong đó tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật được quy định ở Điều 123 vẫn giữ vị trí đứng đầu trong các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân. Bên cạnh việc ban hành Bộ luật Hình sự năm 1999, Nhà nước ta còn ban hành các quy định về điều kiện, thẩm quyền, thủ tục bắt, giam, giữ người ở Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 làm căn cứ để xác định tính trái pháp luật của hành vi bắt, giữ hoặc giam người.

Như vậy, Bộ luật Hình sự năm 1999 và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là công cụ pháp lý sắc bén để bảo vệ quyền tự do thân thể, quyền tự do, dân chủ của công dân trong giai đoạn phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt thể hiện nguyên tắc dân chủ trong pháp luật nói chung, pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa được xem là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng để thúc đẩy quá trình đổi mới vì chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Mặc dù vậy, dân chủ phải luôn luôn đi liền với pháp chế, kỷ cương. Đồng thời, chỉ có trên nền dân chủ

thực sự sẽ thực hiện tốt và đầy đủ sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Do đó, yêu cầu đặt ra đòi hỏi phải bảo đảm quyền tự do, dân chủ, vừa phải tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

2.1. Những quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là các hành vi bắt, giữ hoặc giam người mà không thuộc các trường hợp pháp luật cho phép. Các quyền tự do cá nhân bao gồm: Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; quyền được thông tin, hội họp, quyền tự do đi lại và cư trú theo quy định của pháp luật; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền bất khả xâm phạm về thân thể; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở... Do đó, việc phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự và các trường hợp phạm tội cụ thể là yêu cầu cần thiết.

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự

Dấu hiệu pháp lý hay dấu hiệu cấu thành của một loại tội phạm có tính đặc trưng và điển hình cho loại tội phạm ấy, nó phản ánh đầy đủ bản chất và đủ để phân biệt loại tội phạm này với các tội phạm khác.

Là một trong các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật có đầy đủ các dấu hiệu pháp lý nói chung của một tội phạm nhưng với những biểu hiện riêng của nó và của nhóm các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân qua việc phân tích khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm.

2.1.2. Các tình tiết định khung tăng nặng hình phạt

Về nội dung này, luận văn phân tích từng tình tiết định khung hình phạt trong các khoản 1-3 của Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999.

2.2. Thực tiễn xét xử tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

2.2.1. Tình hình xét xử tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật của Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn toàn quốc từ năm 2000 - 2008

Nghiên cứu thực tiễn xét xử những năm gần đây cho thấy (trên cơ sở đánh giá các báo cáo thống kê của ngành Tòa án) cho thấy: các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân nói chung; tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật nói riêng chiếm tỷ lệ còn tương đối nhỏ, thấp trong tổng số tội phạm hình sự, song vì nó lại liên quan đến quyền tự do, dân chủ của công dân, gián tiếp là các quyền con người nên cũng cần phải phân tích thực tiễn xét xử để đánh giá, phục vụ cho công tác phòng ngừa, chống tội phạm này của các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án, qua đó nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về nhóm tội phạm đã nêu.

Một là, về tình hình xét xử tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật do Tòa án nhân dân các cấp trên toàn quốc xét xử các bị cáo phạm tội này trong thời gian 09 năm (2000-2008) như sau:

Bảng 2.1. Tình hình xét xử tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (2000-2008)

Năm	Số vụ xét xử		Số đã xét xử		Số trả hồ sơ Viện kiểm sát		Số đình chỉ vụ án		Số còn lại	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2000	104	207	85	161	15	37			04	09
2001	104	163	60	105	11	30	01	01	32	27
2002	91	174	77	144	10	23	01	01	03	06
2003	37	70	28	47	02	02			07	21
2004	89	171	73	144	09	13			07	14
2005	89	174	76	146	10	22			03	06
2006	124	255	104	214	15	30	01	01	04	10
2007	121	307	96	241	22	56			03	10
2008	116	312	89	236	18	55	01	01	08	20

Tổng cộng	875	1.833	688	1.438	97	231	04	04	71	123
------------------	------------	--------------	------------	--------------	-----------	------------	-----------	-----------	-----------	------------

Như vậy, nhìn bảng số liệu trên cho thấy, trong thời gian từ năm 2000-2008, tổng số vụ xét xử về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là 875 vụ - 1.833 bị cáo, nhưng số đã xét xử là 688 vụ - 1.438 bị cáo (chiếm tỷ lệ 78,6 % số vụ và 78,4 % số bị cáo). Số vụ và đặc biệt là số bị cáo phạm tội trong những năm gần đây ngày càng tăng: Nếu tính trung bình thì mỗi năm có khoảng 72 vụ với gần 160 bị cáo.

Hai là, phân tích tình hình số bị cáo đã xét xử cho thấy việc áp dụng hình phạt chính và một số biện pháp khác đối với các bị cáo phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật do Tòa án nhân dân các cấp trên toàn quốc xét xử thời gian 09 năm (2000-2008) cho thấy: Người phạm tội bị xét xử tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật được hưởng án treo và hình phạt tù từ 7 năm trở xuống chiếm tỷ lệ rất cao: Về án treo, Tòa án áp dụng đối với 660 bị cáo, tính trung bình mỗi năm khoảng 73 bị cáo được hưởng án treo khi phạm tội này. Đặc biệt năm 2006, 2007 và năm 2008 chiếm tỷ lệ bị cáo được hưởng án treo rất cao là 107, 111 và 106 có nghĩa trung bình ba năm gần đây mỗi năm có hơn 100 bị cáo được hưởng án treo khi phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật.

Ba là, phân tích tình hình số bị cáo đã xét xử cho thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật do Tòa án nhân dân các cấp trên toàn quốc xét xử thời gian 09 năm (2000-2008) cho thấy, từ năm 2000 đến năm 2007 không áp dụng hình phạt bổ sung nào đối với bị cáo phạm tội này, duy nhất chỉ trong năm 2008 có 01 trường hợp áp dụng hình phạt bổ sung. Việc thống kê này chúng tôi tham khảo trên cơ sở số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao.

Bốn là, từ việc phân tích số vụ, số bị cáo, hình phạt và biện pháp khác áp dụng đối với các bị cáo phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật thì qua phân tích nhân thân dưới khía cạnh (đặc điểm) tội phạm học số bị cáo đã bị xét xử về tội phạm này cũng cho thấy số bị cáo phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là đảng viên hay cán bộ, công chức trong thời gian 09 năm còn cao, trung bình mỗi năm gần 04 người phạm tội này là cán bộ, công chức hay đảng viên hoặc là tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Đặc biệt, số người phạm tội là dân tộc thiểu số, ít người và phụ nữ chiếm tỷ lệ cao. Trung bình mỗi năm có 10 người phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật. Các năm 2004, 2007 và năm 2008 chiếm tỷ lệ cao. Số người phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật tập trung chủ yếu vào đối tượng người phạm tội là người chưa thành niên (từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi) trung bình mỗi năm phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là 06 người (năm 2000 và năm 2008 có tỷ lệ cao, năm 2000 là 18 bị cáo và năm 2008 là 11 bị cáo).

Ngoài ra, đối tượng người phạm tội có độ tuổi từ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi với tổng số 446 bị cáo trong 09 năm, trung bình mỗi năm gần 50 người trung niên phạm tội, các năm gần đây tỷ lệ này cao (năm 2007 là 63 bị cáo và năm 2008 có 74 bị cáo). Có thể khẳng định rằng, số bị cáo phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật chủ yếu tập trung vào lứa tuổi này với sự tham gia của nhiều bị cáo trong các vụ án.

Cũng theo thống kê, chỉ năm 2006 có 01 trường hợp người nước ngoài phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật bị xét xử và 01 trường hợp người phạm tội nghiện ma túy phạm tội này năm 2007, còn các năm 2000-2006 và năm 2008 không thấy thống kê.

Trong tổng số các vụ và các bị cáo phạm các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân thì riêng tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật thường chiếm tỷ lệ rất cao và hầu như năm nào cũng chiếm tỷ lệ nhiều, trong khi các tội phạm khác cùng nhóm tội phạm xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân có năm có, có năm không.

Sáu là, qua nghiên cứu nhiều bản án xét xử về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật cho thấy đối tượng bị xét xử về tội phạm này thông thường có độ tuổi từ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi với tổng số 446 bị cáo trong 09 năm, trung bình mỗi năm gần 50 người trung niên phạm tội, các năm gần đây tỷ lệ này cao (năm

2007 là 63 bị cáo và năm 2008 có 74 bị cáo). Do đó, có thể khẳng định rằng, số bị cáo phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật chủ yếu tập trung vào lứa tuổi thanh thiếu niên và có nhiều đối tượng tham gia.

Bảy là, để thực hiện được hành vi chiếm đoạt tài sản thì trước đó các bị cáo thường thực hiện hành vi bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, để làm điều kiện thực hiện tiếp hành vi phạm tội khác, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác... nên bị Tòa án xét xử về phạm nhiều tội.

Tám là, qua thực tiễn xét xử cho thấy số người phạm tội bị bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là người có chức vụ, quyền hạn không nhiều, tuy nhiên cũng có một số vụ án gây hậu quả nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, chính quyền trong nhân dân.

Chín là, cũng qua thực tiễn xét xử còn cho thấy, có cả trường hợp bắt người bình thường vào nhà thương điên do cán bộ bệnh viện tâm thần thực hiện, gây ảnh hưởng đến tâm lý của người bị bắt và gia đình họ.

Mười là, nhiều vụ án bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật chủ yếu là do tranh chấp dân sự chưa được giải quyết triệt để, thậm chí không ít trường hợp nguyên nhân dẫn đến hành vi bắt giữ người chủ yếu là do tranh chấp dân sự. Điều đáng nói, người vi phạm lại chính là... bị hại; hoặc do thuê các công ty thu nợ dẫn đến xiết sớ trái pháp luật.

2.2.2. Một số hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn xét xử

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác xét xử nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật các bị cáo phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do thân thể của con người, quyền con người, thì trong công tác xét xử cũng gặp một số tồn tại, hạn chế từ việc quy định trong Bộ luật Hình sự đến thực tiễn xét xử tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật.

Một là, việc định tội danh đối với trường hợp một người thực hiện một, hai hay ba hành vi phạm tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Hai là, Bộ luật Hình sự và các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật hình sự của Nhà nước cũng chưa quy định cụ thể, một người có hành vi bắt, giữ hay giam người trái pháp luật trong thời gian bao lâu mới bị coi là phạm tội, là trái pháp luật, từ đó dẫn đến còn nhiều quan điểm khác nhau trong các vụ án được các Tòa án đưa ra xét xử.

Ba là, ngoài ra, trong Bộ luật Hình sự và các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật hình sự của Nhà nước hiện hành cũng chưa quy định cụ thể về trường hợp "gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 3 Điều 123 Bộ luật Hình sự là như thế nào, từ đó dẫn đến còn nhiều quan điểm khác nhau trong các vụ án được các Tòa án đưa ra xét xử. Hiện mới chỉ có văn bản hướng dẫn về "hậu quả nghiêm trọng" trong Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 29/11/1986 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành như sau: Hậu quả nghiêm trọng thể hiện như: thiệt hại đối với người bị bắt, giam hoặc gia đình họ (ví dụ: người bị bắt, giam sau đó uất ức mà tự sát; do bị giam lâu mà mắc bệnh tật, ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe hoặc gia đình họ bị chia ly...) hoặc ảnh hưởng xấu về chính trị (ví dụ: do bắt, giam trái pháp luật mà làm cho dư luận quần chúng công phẫn, ảnh hưởng đến uy tín Nhà nước...). Tuy nhiên, từ khi có Bộ luật Hình sự năm 1999 đến nay chưa có hướng dẫn thay thế nghị quyết này.

2.2.3. Một số nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Như vậy, từ những hạn chế, tồn tại trên đây cho thấy một số nguyên nhân cơ bản để xảy ra tội phạm này và hạn chế trong thực tiễn xét xử là do các nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau đã được chúng tôi phân tích cụ thể trong luận văn.

Chương 3

NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

CÓ LIÊN QUAN VỀ PHÒNG, CHỐNG TỘI BẮT, GIỮ HOẶC GIAM NGƯỜI TRÁI PHÁP LUẬT

Từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong Chương 1 và Chương 2 của luận văn, đòi hỏi phải có những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội phạm này. Những giải pháp này không chỉ có giá trị trên phương diện lập pháp - hoàn thiện pháp luật hình sự, mà còn là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc xây dựng những giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, cũng như tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ một cách có hiệu quả và lợi ích thiết thực nhất các quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền con người.

3.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

3.1.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

Quyền tự do thân thể của công dân - khách thể quan trọng cần được luật hình sự bảo vệ và do đó, cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về quyền này.

3.1.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân trong chương XIII với 10 điều từ Điều 123 đến Điều 132. So với Bộ luật Hình sự năm 1985 thì Bộ luật Hình sự năm 1999 có quy định mới về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật. Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học theo quan điểm của chúng tôi, giải pháp hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật như sau:

Điều 123. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người khác trái với các quy định của pháp luật về căn cứ, thẩm quyền và thủ tục, không phân biệt thời gian bao lâu, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm (sửa đổi, bổ sung).

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;*
- c) Đối với người thi hành công vụ;*
- d) Phạm tội nhiều lần;*
- đ) Đối với nhiều người (giữ nguyên).*

3. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm (giữ nguyên).

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm (giữ nguyên).

Riêng trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại khoản 3 Điều 123 Bộ luật này phải có văn bản hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cũng như các nhà làm luật cần có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về các nội dung như: 1) Về việc định tội danh đối với các hành vi phạm tội; 2) Căn hướng dẫn cụ thể các tình tiết định khung tăng nặng hình phạt ở khoản 2 Điều 123 (phạm tội có tổ chức, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, đối với người thi hành công vụ, phạm tội nhiều lần, đối với nhiều người); 3) Căn hướng dẫn cụ thể về trường hợp "gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 3 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

3.2. Những giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

Bên cạnh giải pháp hoàn thiện pháp luật, ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định của Bộ luật Hình sự nói chung, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật nói riêng, thì việc đề xuất những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định đã nêu của Bộ luật Hình sự cũng có ý nghĩa cấp thiết. Những giải pháp này bao gồm:

- 1) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cho nhân dân.
- 2) Xét xử nghiêm minh, nhanh chóng và đúng pháp luật những người phạm các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật nói riêng.
- 3) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật, Tòa án với các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trong phát hiện, xử lý và cải tạo, giáo dục người đã phạm tội.
- 4) Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam liên quan đến những biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam.

Những giải pháp này đòi hỏi trong quá trình thi hành cần áp dụng một cách linh hoạt và đồng bộ bên cạnh giải pháp hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, qua đó bảo vệ được các quyền và tự do của công dân, của con người, nhưng mặt khác tránh sự vi phạm các quyền này từ phía công dân, người có thẩm quyền khác.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài "*Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật trong luật hình sự Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2008*" cho phép chúng tôi đưa ra một số kết luận chung có tính chất tổng kết như sau:

1. Hiến pháp và pháp luật Việt Nam đã khẳng định: các quyền và tự do của con người, của công dân luôn luôn được tôn trọng, đề cao và bảo vệ. Các quyền này thường được đặt ở những vị trí xứng đáng, chiếm nội dung lớn và rõ nét trong các bản Hiến pháp - đạo luật mang tính pháp lý cao nhất của Nhà nước. Bởi vì, Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả các quyền lực thuộc về nhân dân. Vì vậy, những hành vi nào xâm phạm đến các quyền này ở các mức độ khác nhau đều bị xử lý bằng pháp luật và ở mức độ nghiêm khắc nhất, sẽ bị xử lý bằng chế tài hình sự. Trong nhóm các tội xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là một loại tội phạm diễn ra tương đối phổ biến nhất và chiếm tỷ lệ rất cao, tuy nhiên việc áp dụng nó còn gặp một số khó khăn, vướng mắc không chỉ trên phương diện lập pháp (các quy định của pháp luật), mà còn cả trên phương diện thực tiễn (áp dụng pháp luật). Bởi lẽ, một mặt nếu áp dụng không đúng dễ xâm phạm quyền tự do thân thể của công dân, quyền con người, nhưng mặt khác, nếu không áp dụng cũng rất dễ bỏ lọt hành vi phạm tội. Hơn nữa, nhiều tình tiết định khung hình phạt cũng đòi hỏi phải có sự hướng dẫn kịp thời của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay quá trình áp dụng loại tội phạm này cũng cần được thực tiễn xét xử tổng kết, đánh giá.

2. Quyền tự do thân thể biểu hiện ở tính bất khả xâm phạm về thân thể, tức là không thể bị xâm phạm về thân thể. Công dân không thể bị bắt, giam giữ trừ trường hợp theo quy định pháp luật và bởi người có thẩm quyền. Quyền tự do thân thể được ghi nhận bởi pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia nhằm chống lại những hành vi xâm phạm quyền này mà cụ thể là hành vi bắt giữ, giam cầm người khác trái pháp luật. Việc bảo vệ quyền tự do thân thể có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì đây là một trong những quyền con người cơ bản nhất, có được sự tự do về thân thể thì con người mới có các tự do khác, mới có thể hành động theo ý muốn chủ quan của bản thân. Do đó, chúng ta cần củng cố cơ sở pháp lý về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, ban hành kịp thời, đồng bộ và tổ chức thực thi các pháp luật, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về quyền con người, quyền công dân trong các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Đồng thời, cũng cần hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, chế độ trách nhiệm của cơ quan nhà nước, nhất là Tòa án trong việc bảo vệ các quyền đó. Đặc biệt, trong công tác điều tra, truy tố, xét xử cần xử lý nghiêm minh mọi hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp

pháp của công dân, quyền con người, quyền tự do thân thể. Kịp thời khắc phục việc xử lý oan, sai, khôi phục danh dự của người bị hại.

3. Việc quy định về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật là sự ghi nhận và bảo đảm trong pháp luật Việt Nam giá trị quyền con người thiêng liêng được thừa nhận bởi cộng đồng nhân loại và bất khả xâm phạm. Quyền tự do thân thể là quyền con người cơ bản đã được khẳng định trong các văn kiện quan trọng của Liên hợp quốc cũng như những đạo luật văn minh của hầu khắp các quốc gia trên thế giới. Ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền tự do thân thể bằng pháp luật hình sự là phương pháp đảm bảo hữu hiệu nhất cho quyền này, rộng hơn nữa là bảo vệ quyền con người. Ngoài ra, việc quy định về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật cùng với các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ khác của công dân đã thể chế hóa chủ trương đầy mạnh, phát huy dân chủ của Đảng ta. Nghị quyết Đại hội Đảng X đã chỉ ra phương hướng xây dựng Nhà nước trong giai đoạn hiện nay là phát huy dân chủ, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: "Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân". Cụ thể hóa nội dung này, Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng "Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng năm 2020" đã chỉ rõ quan điểm này để qua đó, đầy mạnh, phát huy dân chủ thì việc bảo đảm chặt chẽ các quyền tự do, dân chủ của công dân (trong đó có quyền tự do thân thể) là vấn đề cơ bản và cấp thiết. Do đó, đòi hỏi Nhà nước và xã hội ngày càng phải quan tâm thiết lập và bảo vệ các quyền đó không chỉ trên phương diện văn bản pháp luật mà bằng cả phương diện thực tiễn thi hành pháp luật.

4. Từ thực tiễn xét xử tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật ở nước ta thời gian qua đòi hỏi phải làm rõ các nguyên nhân phạm tội để có các giải pháp phòng ngừa có hiệu quả đối với loại tội phạm này, đặc biệt là các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng. Một trong những giải pháp quan trọng góp phần làm giảm tình hình tội phạm này chính là sự tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Đặc biệt, nhiều vụ án bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật phát sinh do các tranh chấp dân sự đơn giản, do những người trong cuộc nóng nảy tìm mọi cách để thu hồi tài sản, bắt chấp cả việc sử dụng những biện pháp trái luật như thuê người đòi nợ theo kiểu xã hội đen, bắt, giữ con nợ, hoặc tự ý lấy tài sản của con nợ để xiết nợ... mà không tiến hành các biện pháp theo quy định của pháp luật, thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường các quyền và tự do của công dân, của con người. Mặt khác, còn do những nguyên nhân từ phía các cơ quan bảo vệ pháp luật như việc giải quyết các vụ án dân sự tại Tòa án kéo dài, vướng mắc nhiều thủ tục tố tụng. Thậm chí, nhiều trường hợp sau khi có bản án của Tòa án, người bị hại vẫn chưa thu hồi được nợ do khâu chậm trễ từ phía cơ quan thi hành án. Do đó, cần nâng cao công tác tuyên truyền sâu rộng hơn nữa luật pháp đến với người dân, để họ có thể nhận biết được những hậu quả sai trái, đặc biệt là các quy định của pháp luật, các quy định liên quan đến dân chủ và quyền tự do, dân chủ. Ngoài ra, trong lĩnh vực vay nợ để tránh rủi ro trước khi cho vay mượn tài sản thì người có tài sản cần kiểm tra tư cách và điều kiện tài chính của người vay xem có khả năng trả nợ không. Nếu họ có tài sản (như nhà, quyền sử dụng đất hoặc các tài sản có giá trị khác) thì nên yêu cầu họ cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ. Đương nhiên, thủ tục cầm cố thế chấp phải tuân theo quy định của pháp luật.

5. Và cuối cùng, ở một chừng mực nhất định, luận văn đã giải quyết cơ bản và đầy đủ về những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật và đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 về tội phạm này. Tuy nhiên, việc tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ về phương diện học thuật và tổng kết thực tiễn, cũng như đưa ra các giải pháp về lập pháp vẫn là đòi hỏi khách quan đối với các nhà khoa học - luật gia trong lĩnh vực tư pháp hình sự của đất nước ta.